

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 25 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Chí Sung và bà Lò Hải Yến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: bà Bùi Thị Tính, Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 01/01/1995, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: Tổ 01, phường Đoàn Kết, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở: Tổ 2, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1963 và bà Cao Thị T, sinh năm 1971; Vợ: Vàng Thị H, sinh năm 2002; Có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: 02 tiền sự. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 22/6/2023 của Công an phường T, thành phố L đã xử phạt Nguyễn Văn L bằng hình thức phạt tiền, số tiền phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Nguyễn Văn L chưa chấp hành nộp phạt; Quyết định áp dụng biện pháp hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 495/QĐ-XPTT, ngày 04/7/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, đã áp dụng giáo dục tại phường T đối với Nguyễn Văn L trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 04/7/2023. Đến ngày 04/10/2023, Nguyễn Văn L đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tính đến ngày phạm tội lần này chưa hết thời hạn 02 năm nên bị cáo chưa được xóa tiền sự. Về nhân thân: Ngày 07/6/2023, Nguyễn Văn L bị Công an phường T, thành phố L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức Cảnh cáo. Hiện đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ

Công an thành phố L. (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1963; nghề nghiệp: Lao động tự do

Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu “Vắng mặt”.

+ Chị Vàng Thị H, sinh năm 2002; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Văn L gặp, làm quen với một người đàn ông tên Thành, không rõ nhân thân lịch khi đang trên đường đi từ huyện Phong Thổ về thành phố L vào ngày 25/12/2023. Thành nói với L có pháo nổ muốn thuê người vận chuyển. Sau đó Thành cho L số điện thoại 0889299221 của Thành còn L không có điện thoại và thường xuyên sử dụng điện thoại của vợ là chị Vàng Thị H, sinh năm 2002, nên đã cho Thành số điện thoại 0889284415 của chị H để liên lạc với L. Về đến nhà, L lưu số điện thoại 0889299221 của Thành vào điện thoại IPHONE XR của chị H là “anh thanh pháo”.

Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 27/12/2023, khi L đang ở nhà tại tổ 2, phường T, thành phố L thì Thành dùng số điện thoại 0889299221 gọi đến số điện thoại 0889284415 của chị H, L đã nghe máy rồi cả hai người hẹn nhau đến ngã ba Mường So, thuộc xã Mường So, huyện Phong Thổ để L vận chuyển pháo cho Thành về thành phố L (*chị H không biết L dùng điện thoại của mình để liên lạc vận chuyển pháo thuê cho người khác*). Do trời tối nên L rủ bố đẻ của L là ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1964 đi cùng, sau đó L điều khiển xe máy nhãn hiệu Attila Elizabeth, BKS: 36B2-569.08 của ông L1 chở ông L1 cùng đi đến địa điểm đã hẹn với Thành. Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, khi L chở ông L1 đến ngã ba Mường So thì L bảo ông L1 xuống xe đứng đợi còn L một mình điều khiển xe máy đến gặp Thành đang đứng cách đó khoảng 5 mét. Sau đó Thành đưa cho L 01 bao tải màu xanh, bên trong là pháo và bảo L vận chuyển về thành phố L giao cho một người đàn ông tên là Đức sẽ trả công 3.000.000 đồng, đồng thời Thành cho L số điện thoại của Đức là 0833340357 để liên lạc. L để bao tải đựng pháo ở chỗ để chân của xe máy và điều khiển xe quay lại đón ông L1 đi về thành phố L. Toàn bộ quá trình từ khi đi lên ngã ba Mường so đến lúc quay về thành phố L L không nói cho ông L1 biết mục đích đi vận chuyển pháo thuê và bên trong bao tải L nhận của Thành là pháo nổ nên ông L1 không biết. Về đến thành phố L, L gọi điện cho Đức rồi cả hai hẹn gặp nhau tại khu vực gần cây xăng đối diện Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu, thuộc tổ 22, phường Đông Phong, thành phố L để giao pháo và nhận tiền.

Hồi 21 giờ 45 phút cùng ngày, khi L chở ông L1 đến gặp Đức tại khu vực gần cây xăng đối diện Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu, thuộc tổ 22, phường Đông Phong, thành phố L, L vừa nhận 3.000.000 đồng của Đức, chưa kịp giao pháo cho Đức thì bị Công an thành phố L kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, còn Đức đã bỏ chạy thoát. Công an đã L1 biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L cùng vật chứng

là 01 bao tải màu xanh, bên trong có 01 túi được gói bên ngoài bằng hai lớp nilon màu đen, bên trong chứa 05 hộp pháo nổ màu hồng - vàng và 01 hộp pháo nổ màu đỏ - vàng, đều có in chữ nước ngoài.

Tại Kết luận giám định số 60/KLGD ngày 28/12/2023 của Người giám định tư pháp theo vụ việc và Kết luận giám định số 109/GĐ-KTHS ngày 03/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 05 hộp hình chữ nhật màu hồng – vàng và 01 hộp hình chữ nhật màu đỏ - vàng có in ký tự và chữ nước ngoài thu giữ trong quá trình bắt quả tang Nguyễn Văn L có tổng khối lượng 8741,99 gam, quy đổi = 8,74199 kilôgam. Các mẫu vật (có ký hiệu từ M1 đến M6) gửi đến giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ).

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSTP ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, truy tố đều xác định: nội dung lời khai của ông L1 phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vàng Thị H trình bày nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp lời khai tại giai đoạn điều tra và phù hợp với vật chứng thu giữ, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Vận chuyển hàng cấm";

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2023; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho ông Nguyễn Văn L1 01 xe máy nhãn hiệu Attila Elizabeth, BKS 36B2-56908, số khung: RLGKA11CDCD014506, số máy: VMVUAC-D 014506; Trả lại cho chị Vàng Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XR, màu vàng, bị vỡ mặt sau, trong máy lắp sim số 0889284415, hai hộp xộp màu trắng; Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng (gồm 30 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng). Tịch thu, tiêu hủy: 01 bao tải màu xanh; 02 mảnh nilon màu đen, 06 hộp pháo nổ có tổng khối lượng được hoàn lại sau khi gửi giám định là 8,2674 kilôgam; Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị do đó không đề nghị xem xét; Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định: Vì mục đích tư lợi cá nhân, hám lời từ việc vận chuyển thuê hàng cấm cho người khác, nên ngày 27/12/2023 Nguyễn Văn L đã nhận vận chuyển 8,74199 kilôgam pháo nổ từ xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đến thành phố L, tỉnh Lai Châu để nhận tiền công vận chuyển là 3.000.000 đồng. Hồi 21 giờ 41 phút cùng ngày 27/12/2023, khi Nguyễn Văn L vừa vận chuyển 8,74199 kilôgam pháo nổ về đến tổ 22, phường Đông Phong, thành phố L thì bị tổ công tác Công an thành phố L phối hợp với Công an phường Đông Phong, thành phố L phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất ít nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng cấm như pháo nổ, gây mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến việc quản lý kinh tế trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo khoản điểm c 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

Điều 191: Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các Điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm :

...

c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

...”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không có tiền án; bị cáo có 02 tiền sự theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 22/6/2023 của Công an phường T, thành phố L đã xử phạt Nguyễn Văn L bằng hình thức phạt tiền, số tiền phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Nguyễn Văn L chưa chấp hành nộp phạt; Quyết định áp dụng biện pháp hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 495/QĐ-XPTT, ngày 04/7/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, đã áp dụng giáo dục tại phường T đối với Nguyễn Văn L trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 04/7/2023. Đến ngày 04/10/2023, Nguyễn Văn L đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tính đến ngày phạm tội lần này chưa hết thời hạn 02 năm nên bị cáo chưa được xóa tiền sự.

Về nhân thân: Ngày 07/6/2023, Nguyễn Văn L bị Công an phường T, thành phố L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức Cảnh cáo. Hiện đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét bản thân bị cáo đã từng được giáo dục tại xã, phường, là người nghiện ma túy đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn cố ý phạm tội nên cần có một mức hình phạt phù hợp đủ để bị cáo có thời gian cải tạo thành công dân có ích.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 0,47459 kilôgam thuốc pháo nổ đã giám định hết nên không xem xét, xử lý.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Attila Elizabeth, BKS 36B2-56908, số khung: RLGKA11CDCD014506, số máy: VMVUAC-D 014506 do ông Nguyễn Văn L1 quản lý, sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: bị cáo sử dụng xe máy

của ông Nguyễn Văn L1 vào hành vi phạm tội, ông L1 không biết; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XR, màu vàng, bị vỡ mặt sau, trong máy lắp sim số 0889284415 của chị Vàng Thị Vàng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chị H không biết việc bị cáo sử dụng điện thoại của chị H để phạm tội. Do đó cần trả lại chiếc xe máy trên cho ông L1 và trả lại chiếc điện thoại trên cho chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 47 bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với: 01 hộp xốp màu trắng hình hộp chữ nhật, 01 bao tải màu xanh; 02 mảnh nylon màu đen, 01 hộp xốp màu trắng dùng để niêm phong vật chứng ban đầu; 06 hộp pháo nổ có tổng khối lượng sau khi gửi giám định được hoàn lại là 8,2674 kilôgam. Toàn bộ vật chứng trên là vật cấm tàng trữ, lưu hành và là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác trong vụ án:

Bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận nguồn gốc 8,74199 kilôgam pháo nổ là bị cáo nhận vận chuyển của người đàn ông tên Thành có số điện thoại 0889299221 đến giao cho người đàn ông tên Đức có số điện thoại 0833340357. Quá trình điều tra xác định: Chủ thuê bao 0889299221 là ông Nguyễn Văn Trị, sinh năm 1959, trú tại Ấp Trống, xã Vàm Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nhưng ông Trị không có mặt tại địa phương, bị cáo L đã kiểm tra, xác định hình ảnh ông Trị không phải người đàn ông tên Thành. Do bị cáo L không biết nhân thân, lai lịch của Thành, ngoài lời khai duy nhất của bị cáo, không có tài liệu chứng cứ nên không đủ cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với người đàn ông tên Đức đã trả tiền công vận chuyển thuốc pháo 3.000.000 đồng cho bị cáo, bị cáo khai đã liên lạc với Đức qua điện thoại số thuê bao là 0833340357. Quá trình điều tra xác định: Chủ thuê bao 0833340357 là chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1997, trú tại Tổ 10, phường T, thành phố L. Chị N khai nhận ngày 26/12/2023 chị có đến Viễn thông Lai Châu đăng ký sử dụng số thuê bao 0833340357, sau khi đăng ký chị chưa sử dụng và chị đã làm rơi mất sim điện thoại. Do không cần thiết nên chị đã không đến Viễn thông Lai Châu để đăng ký lại sim số điện thoại. Chị N cũng không quen biết ai tên Thành, Đức và Nguyễn Văn L. Cơ quan điều tra đã có công văn yêu cầu Công ty viễn thông cung cấp lịch sử của số thuê bao 0833340357 nhưng chưa có kết quả trả lời nên đã tách hồ sơ, khi có kết quả trả lời sẽ tiếp tục xác minh là đảm bảo quy định của pháp luật. Do bị cáo L không biết nhân thân, lai lịch của Đức và quá trình điều tra cũng không xác định được nhân thân, lai lịch của Đức nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ.

Đối với Nguyễn Văn L1 là chủ sử dụng, quản lý chiếc xe máy và là người đi

cùng bị cáo L. Quá trình điều tra xác định L không nói cho L1 biết việc vận chuyển pháo và bản thân L1 cũng không biết việc L vận chuyển pháo thuê cho Thành. Do đó Nguyễn Văn L1 không đồng phạm với bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Đối với Vàng Thị H là chủ sở hữu của chiếc điện thoại IPHONE XR và số thuê bao 0889284415. Quá trình điều tra xác định H không biết việc Nguyễn Văn L sử dụng số thuê bao và điện thoại của H vào mục đích phạm tội nên H không đồng phạm với Nguyễn Văn L.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2023.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng

[4] Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn)

Trả lại cho ông Nguyễn Văn L1 01 xe máy nhãn hiệu Attila Elizabeth, BKS 36B2-56908, số khung: RLGKA11CDCD014506, số máy: VMVUAC-D 014506;

Trả lại cho chị Vàng Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XR, màu vàng, bị vỡ mặt sau, trong máy lắp sim số 0889284415;

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp xốp màu trắng hình hộp chữ nhật, 01 bao tải màu xanh, 02 mảnh nilon màu đen, 01 hộp xốp màu trắng dùng để niêm phong vật chứng ban đầu; 06 hộp pháo nổ có tổng khối lượng sau khi gửi giám định được hoàn lại là 8,2674 kilôgam pháo nổ.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 16 giờ 10 phút ngày 26/4/2024 giữa Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu và Biên bản giao nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 03/5/2024 giữa các bên Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu, Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu và Kho vũ khí đạn phòng Kỹ thuật thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu).

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 được quyền kháng cáo bản án của Tòa án về những vấn đề trực

tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vàng Thị H được quyền kháng cáo bản án của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bích Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Nga

